TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2023/DS-PT
Ngày:19-7-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST, ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2023/QĐ-PT, ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ngọc K, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 17-4-2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thùy L), sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn T1 – là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20-12-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và người đại diện hợp pháp của Chị L là chị Đinh Thị Ngọc K trình bày:

Chị L có tham gia 02 dây hụi do chị T làm chủ hụi gồm:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-3-2021, kết thúc ngày 10-12-2022, gồm 22 phần, Chị L tham gia 04 phần, đã hốt 02 phần hụi vào kỳ mở hụi đầu tiên là ngày 10-3-2021 và ngày 10-4-2022, còn 02 phần hụi Chị L đóng hụi sống đến khi kết thúc dây hụi này, nhưng chị T chưa đăng tiền hụi với tổng số tiền là 78.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30-5-2021, kết thúc ngày 30-9-2022, gồm 16 phần, Chị L tham gia 02 phần, Chị L đóng hụi sống cho đến khi kết thúc hụi, chị T chưa đăng hụi cho Chị L với tổng số tiền là 54.000.000 đồng. Sau đó, chị T có góp trả nhiều lần cho chị được tổng số tiền là 28.000.000 đồng và còn lại số tiền 26.000.000 đồng chị T không trả cho đến nay.

Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu vợ chồng chị T có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ là 114.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chị L chỉ yêu cầu vợ chồng chị T phải trả số tiền nợ hụi là 104.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Chị tự nguyện rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi là 114.000.000 đồng – 104.000.000 đồng = 10.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Lý do Chị L yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cùng với chị T trả số tiền nợ trên là do số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị T. Khi chị tham gia hụi của chị T thì anh T1 có nhiều lần nhận tiền đóng hụi sống cũng như hụi chết trực tiếp từ chị và các hụi viên khác nên anh T1 cũng có biết việc chị T làm chủ hụi và nợ tiền hụi của chị. Đồng thời, việc chị T làm chủ hụi để lấy tiền hoa hồng lo chi phí sinh hoạt trong gia đình.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thùy L) trình bày: Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của Chị L và chị thừa nhận Chị L có tham gia 02 dây hụi do chị làm chủ hụi như Chị L đã trình bày. Chị có kinh doanh quán cà phê tại nhà chồng của chị là anh Nguyễn Văn T1 với tên quán là Thùy Linh nên người khác hay gọi chị là Thùy Linh và chị xác nhận chị có tên gọi khác là Nguyễn Thị Thùy L.

Nay chị xác nhận còn nợ Chị L số tiền hụi được hốt mà chị chưa trả là 104.000.000 đồng nhưng chị chỉ đồng ý 01 mình chị có nghĩa vụ trả cho Chị L số tiền nợ trên. Anh T1 không biết gì đến việc chị làm chủ hụi cũng như không

có nhận tiền đóng hụi của Chị L và các hụi viên khác như Chị L đã trình bày nên anh T1 không có nghĩa vụ cùng với chị trả số tiền nợ trên cho Chị L.

Chị và anh T1 chung sống với nhau vào cuối năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G vào năm 2017. Vợ chồng chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Kim Duyên. Tiền hoa hồng từ việc làm chủ hụi thì chị lấy để bao choàng hụi do các hụi viên khác lĩnh hụi mà không đóng lại tiền hụi chết và chị trả tiền lãi bên ngoài mà chị đi vay. Tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do anh T1 lo, nhưng chị không có tiêu xài riêng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh là chồng của chị T, vợ chồng anh chung sống với nhau vào cuối năm 2017, có đăng ký kết hôn và có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Kim Duyên, sinh ngày 23-8-2018. Ban ngày anh bận đi làm việc bên ngoài (tài xế) không có mặt tại nhà nên anh không biết chị T có làm chủ hụi tại nhà của anh ở quán cà phê Thùy Linh hay không, anh xác định anh không có gom tiền hụi từ Chị L hay các hụi viên khác như Chị L đã trình bày, chị T không có tiêu xài riêng. Do anh không biết chị T làm chủ hụi nên không đồng ý cùng chị T trả tiền nợ hụi cho Chị L.

Bản án sơ thẩm số 37/2023/DS-ST, ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 39, 92, 147, 217, 218 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18, Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thùy L) và anh Nguyễn Văn T1 về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi".

Buộc chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Thùy L) và anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 104.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị L cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Thùy L) và anh Nguyễn Văn T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị L không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với yêu cầu trả số tiền hụi là 10.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/5/2023, anh Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đây là nợ riêng của chị T, không đồng ý cùng chị T trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng anh không biết chị T làm thảo hụi, không có nhận tiền hụi viên đóng nên không đồng ý cùng chị T trả tiền hụi cho Chị L, nợ này mình chị T trả.

Chị T thừa nhận còn nợ Chị L tiền hụi là 104.000.000 đồng, đồng ý trả cho Chị L, đây là nợ riêng nên mình chị trả.

Chị L yêu cầu vợ chồng chị T và anh T1 cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho chị số tiền nợ hụi 104.000.000 đồng vì nợ trong thời kỳ hôn nhân, chị có đóng tiền hụi cho anh T1 tại quán cà phê Thùy Linh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chị L: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của Chị L không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 05-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh T1ng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1 làm trong thời hạn quy định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh T1 không đồng ý cùng chị T trả tiền cho Chị L, thấy rằng:

[2.1] Chị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T và anh T1 trả số tiền nợ hụi 114.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 10.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Chị L đối với yêu cầu trả số tiền 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét việc anh T1 không đồng ý cùng chị T trả tiền nợ hụi, thấy rằng:

Chị L yêu cầu chị T và anh T1 có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ là 104.000.000 đồng. Chị T thừa nhận Chị L có tham gia hụi do chị làm chủ hụi và hiện chị còn nợ Chị L số tiền hụi là 104.000.000 đồng nên chị đồng ý trả cho Chị L số tiền nợ này. Anh T1 không đồng ý cùng chị T trả nợ cho Chị L.

Chị T và anh T1 xác định anh chị là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B và kể từ khi Chị L tham gia góp hụi của chị T cho đến nay chị T và anh T1 vẫn đang sống chung.

Anh T1 cho rằng anh bận đi làm nên không biết việc chị T làm chủ hụi, anh không có nhận tiền hụi của Chị L. Chị T trình bày các lần kêu hụi là kêu tại quán cà phê nhà anh T1 là quán "Thùy Linh", tiền hoa hồng từ việc góp hụi chị sừ dụng bao choàng cho hụi viên hốt hụi chưa đóng lại, chị không có tiêu xài riêng. Qua xác minh một số hụi viên cùng dây hụi với Chị L xác định các lần kêu hụi là tại quán cà phê nhà anh T1 có tên "Thùy Linh", có lúc kêu hụi có anh T1 ở nhà (nằm võng), có vài lần anh T1 nhận tiền đóng hụi của hụi viên. Như vậy, lời trình bày của hụi viên phù hợp với lời trình bày của chị T là kêu hụi tại quán cà phê nhà anh T1. Do đó, anh T1 cho rằng anh không biết việc chị T làm chủ hụi là không có căn cứ.

Số tiền nợ Chị L 104.000.000 đồng là nợ trong thời kỳ hôn nhân của anh T1 và chị T. Anh T1 cho rằng đây là nợ riêng của chị T nhưng anh không có chứng cứ chứng minh vợ chồng làm riêng, ăn riêng nên không có căn cứ chấp nhận là nợ riêng của chị T. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T1 cùng với chị T trả số tiền nợ như trên cho Chị L là phù hợp với Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Anh T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chi Ly là có căn cứ; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh T1 kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, các Điều 147, 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thùy L) và anh Nguyễn Văn T1, về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi".

Buộc chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thùy L) và anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 104.000.000 (một trăm lẻ bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị L cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thùy L) và anh Nguyễn Văn T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị L không yêu cầu tính lãi.

2.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với yêu cầu trả số tiền hụi là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Chị Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí :

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thùy L) và anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới chịu 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí nên hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.875.000 (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng Chị L đã nộp theo Biên lai thu số: 0025301 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên thu số: 0025505 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thị Tuyền